

Quyền sở hữu trí tuệ được quy định như thế nào?

### 1. Quyền sở hữu trí tuệ là gì:

Căn cứ **Khoản 1 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (Sửa đổi 2009, 2019)**, quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm:

- **Quyền tác giả** – quyền đối với tác phẩm do tổ chức, cá nhân sáng tạo hoặc sở hữu;
- **Quyền liên quan đến quyền tác giả (Quyền liên quan)** – Quyền của tổ chức, cá nhân đối với:
  - Cuộc biểu diễn
  - Bản ghi âm
  - Ghi hình
  - Chương trình phát sóng
  - Tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa
- **Quyền sở hữu công nghiệp** là quyền của tổ chức, cá nhân đối với:
  - Sáng chế
  - Kiểu dáng công nghiệp,
  - Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
  - Nhãn hiệu
  - Tên thương mại
  - Chỉ dẫn địa lý
  - Bí mật kinh doanh
  - Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh
- **Quyền đối với giống cây trồng** – quyền do tổ chức, cá nhân chọn tạo, phát hiện, phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

*(Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005)*

## **2. Căn cứ phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ:**

Căn cứ **Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi 2009, 2019)**, cụ thể như sau:

- **Quyền tác giả phát sinh** kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký.
- **Quyền liên quan phát sinh** kể từ khi cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa được định hình hoặc thực hiện mà không gây hại đến quyền tác giả.
- **Quyền sở hữu công nghiệp được xác lập như sau:**
  - + Quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi 2009, 2019) hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
  - + Quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu nổi tiếng được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký;
  - + Quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ 2006 (sửa đổi 2009, 2019) hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
  - + Quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở có được một cách hợp pháp bí mật kinh doanh và thực hiện bảo mật bí mật kinh doanh đó;
  - + Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh được xác lập trên cơ sở hoạt động cạnh tranh trong kinh doanh

- **Quyền đối với giống cây trồng** được xác lập trên cơ sở quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi 2009, 2019).

### **3. Giới hạn quyền sở hữu trí tuệ:**

Giới hạn quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại cụ thể tại Điều 7 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi 2009, 2019) như sau:

- Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ chỉ được thực hiện quyền của mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ.
- Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022** sửa đổi tại khoản này như sau:

*“Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và không được vi phạm quy định khác của pháp luật có liên quan. Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không được ngăn chặn, cản trở việc phổ biến, sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca.”*

- Trong trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi 2009, 2019), Nhà nước có quyền cấm hoặc hạn chế chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp; việc giới hạn quyền đối với sáng chế thuộc bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của Chính phủ.